

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Chi cục Thuế khu vực thuộc Cục Thuế**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Thuế khu vực là đơn vị thuộc Cục Thuế, có chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Thuế tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý theo phân công của cấp có thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Chi cục Thuế khu vực có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và được cấp mã cơ quan quản lý thu theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế,

các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, quản lý thuế và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; quy trình nghiệp vụ quản lý thuế do Bộ Tài chính, Cục Thuế ban hành; tổng kết, đánh giá, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, chính sách quản lý thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cải cách quản lý thuế.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế khu vực: đăng ký thuế, khai thuế, tính thuế, thông báo thuế, nộp thuế, hoàn thuế, khấu trừ thuế, miễn thuế, giảm thuế; quản lý nghĩa vụ người nộp thuế; đăng ký, sử dụng và tiếp nhận dữ liệu hóa đơn, chứng từ, cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; quản lý nợ thuế; gia hạn nộp thuế; khoan tiền thuế nợ; xóa tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp; nộp dần tiền thuế nợ; miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp và cưỡng chế thu tiền thuế nợ; thanh tra, kiểm tra thuế (sau đây gọi chung là nghiệp vụ quản lý thuế) và các nghiệp vụ khác có liên quan đến quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các Đội Thuế cấp huyện trong thực hiện quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và các nghiệp vụ khác có liên quan đến quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

4. Tổ chức thực hiện công tác lập dự toán, triển khai thực hiện dự toán thu ngân sách nước. Phân tích, đánh giá, dự báo thu ngân sách nhà nước, tham mưu cho Cục trưởng Cục Thuế, cấp ủy, chính quyền địa phương về lập dự toán thu ngân sách nhà nước, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước.

5. Hướng dẫn, giải thích chính sách thuế, chính sách quản lý thuế; tổ chức hỗ trợ người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính về thuế và thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật; tổng hợp khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế và kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện các quy trình, nghiệp vụ về công tác phân tích, dự báo, lập, thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước; công tác thống kê, kế toán, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước và báo cáo tài chính nhà nước đối với nguồn thu được phân công quản lý theo quy định; xây dựng, tổng hợp báo cáo tình hình thu và quản lý thu theo chế độ quy định.

7. Được yêu cầu người nộp thuế, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc quản lý thuế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với cơ quan thuế để thu thuế vào ngân sách nhà nước.

8. Được ấn định thuế, thực hiện các biện pháp quản lý nợ thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với người nộp thuế vi

phạm pháp luật về thuế.

9. Bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật; quản lý, bí mật thông tin của người nộp thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, cung cấp thông tin của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật.

10. Giám định để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11. Thực hiện công tác xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của pháp luật.

12. Trực tiếp thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thuế theo kế hoạch và chuyên đề, đột xuất trong phạm vi quản lý.

13. Giải quyết khiếu nại về thuế của người nộp thuế thuộc địa bàn quản lý, giải quyết tố cáo về hành vi trốn thuế, gian lận thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn, chỉ đạo việc triển khai, thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành thuế, ấn định thuế theo phân công.

15. Chỉ đạo, hướng dẫn, giải quyết tố cáo về hành vi trốn thuế, gian lận thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

16. Tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong hoạt động quản lý thuế.

17. Quản lý, bảo mật thông tin của người nộp thuế; xử lý, cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu về thuế, hóa đơn điện tử và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan; tiếp nhận, cài đặt và hỗ trợ sử dụng các phần mềm ứng dụng, trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa công tác quản lý thuế, quản lý nội ngành thuộc phạm vi quản lý.

18. Quản lý, sử dụng công chức, người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính và Cục Thuế.

19. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, ấn chỉ và các dự án đầu tư phát triển được giao theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện cơ chế quản lý tài chính theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

20. Hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong việc tổ chức triển khai công tác kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại; giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong thực thi công vụ của các tổ chức, đơn vị và cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do cấp có thẩm quyền giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Chi cục Thuế khu vực được tổ chức các đơn vị sau:

a) Các phòng tham mưu thuộc Chi cục Thuế khu vực:

- Văn phòng;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế;
- Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác;
- Phòng Quản trị dữ liệu và quản lý rủi ro;
- Phòng Quản lý các khoản thu từ đất (nếu có);
- Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp;
- Phòng Thanh tra, kiểm tra.

b) Đội Thuế cấp huyện.

Đội Thuế cấp huyện có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được cấp mã cơ quan quản lý thu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Số lượng phòng tham mưu, Đội Thuế cấp huyện của từng Chi cục Thuế khu vực được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Biên chế công chức của Chi cục Thuế khu vực do Cục trưởng Cục Thuế quyết định trong tổng biên chế được giao.

3. Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm:

- a) Bố trí phòng tham mưu, Đội Thuế cấp huyện thuộc các Chi cục Thuế khu vực bảo đảm theo số lượng quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;
- b) Quyết định tên gọi, trụ sở, địa bàn quản lý của các Đội Thuế cấp huyện;
- c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Chi cục Thuế khu vực.

Điều 4. Lãnh đạo Chi cục

1. Chi cục Thuế khu vực có Chi cục trưởng và một số Phó Chi cục trưởng.

2. Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục Thuế khu vực, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục Thuế khu vực; các Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chi cục Thuế khu vực có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn, quy trình, quy chế

của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế cho đến khi cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này.

2. Cục trưởng Cục Thuế chịu trách nhiệm tổ chức, sắp xếp để Chi cục Thuế khu vực và các đơn vị thuộc Chi cục Thuế khu vực đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 6 năm 2025.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Cục trưởng Cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- KBNN khu vực;
- VP Đảng ủy, Công đoàn;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCCB (50 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn



Phụ lục

SỐ LƯỢNG PHÒNG, ĐỘI THUỘC CHI CỤC THUẾ KHU VỰC

(Kèm theo Quyết định số 904/QĐ-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính)

STT	Chi cục Thuế khu vực	Số lượng phòng tham mưu				Số lượng Đội Thuế cấp huyện
		Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp	Phòng Thanh tra, kiểm tra	Các phòng tham mưu khác	Tổng số phòng	
1	Chi cục Thuế khu vực I	6	7	6	19	30
2	Chi cục Thuế khu vực II	5	5	6	16	20
3	Chi cục Thuế khu vực III	4	5	5	14	15
4	Chi cục Thuế khu vực IV	4	5	5	14	17
5	Chi cục Thuế khu vực V	4	5	5	14	15
6	Chi cục Thuế khu vực VI	4	4	5	13	17
7	Chi cục Thuế khu vực VII	3	3	5	11	13
8	Chi cục Thuế khu vực VIII	4	4	5	13	20
9	Chi cục Thuế khu vực IX	3	3	5	11	14
10	Chi cục Thuế khu vực X	3	4	5	12	22
11	Chi cục Thuế khu vực XI	3	4	5	12	16
12	Chi cục Thuế khu vực XII	5	5	5	15	20
13	Chi cục Thuế khu vực XIII	4	5	5	14	19
14	Chi cục Thuế khu vực XIV	4	5	5	14	22
15	Chi cục Thuế khu vực XV	5	6	5	16	18
16	Chi cục Thuế khu vực XVI	4	4	5	13	13
17	Chi cục Thuế khu vực XVII	3	4	5	12	14
18	Chi cục Thuế khu vực XVIII	3	3	5	11	12
19	Chi cục Thuế khu vực XIX	4	5	5	14	19
20	Chi cục Thuế khu vực XX	3	3	5	11	14